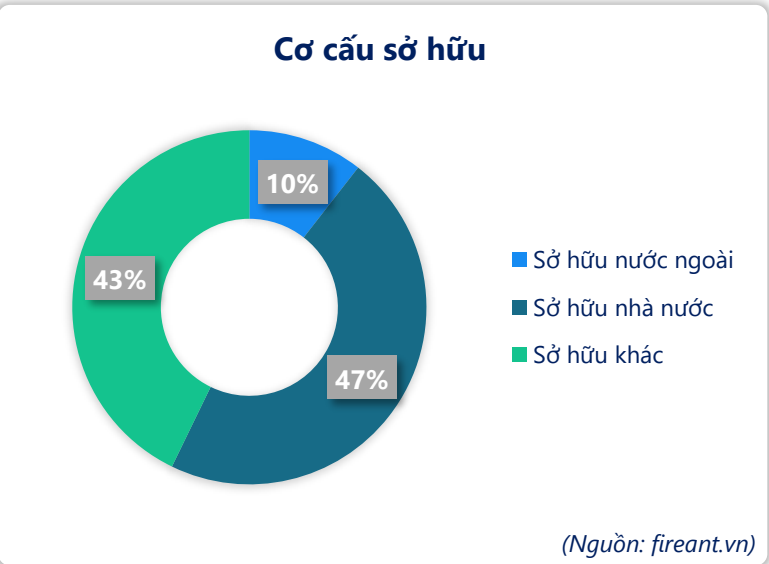
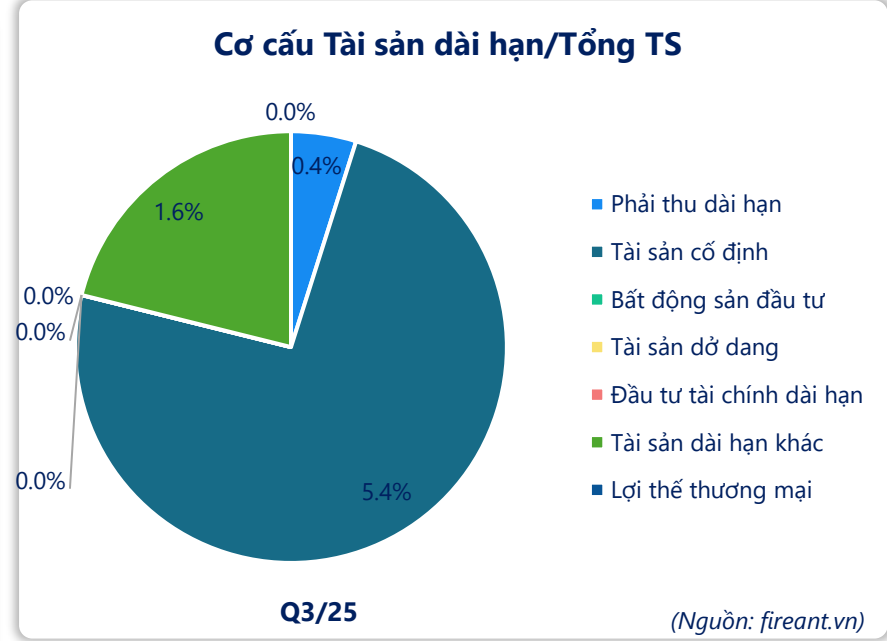
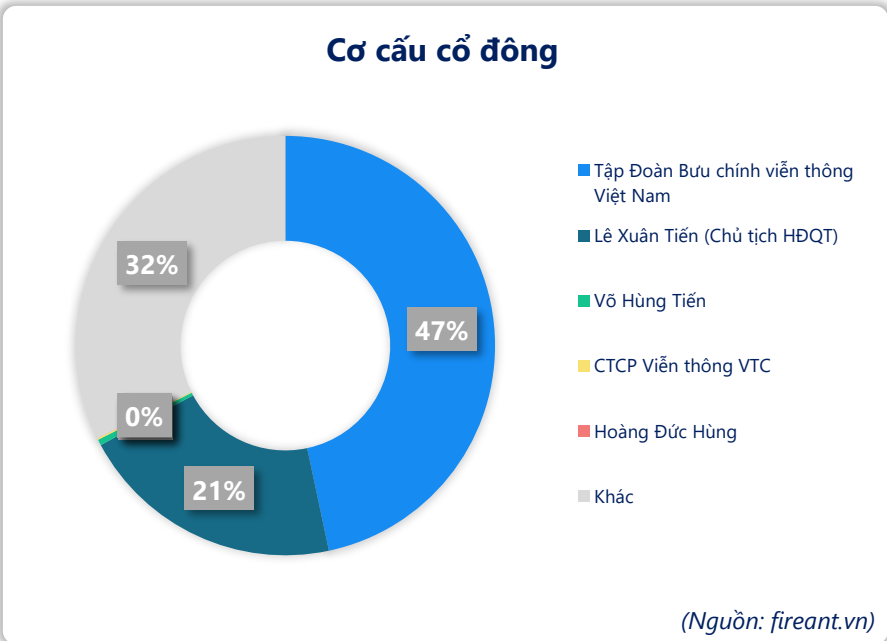
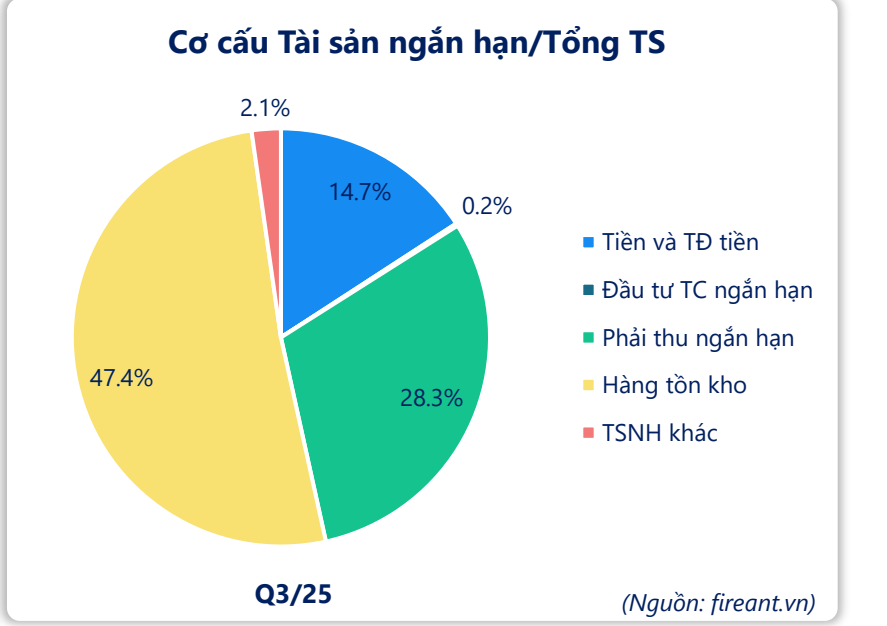
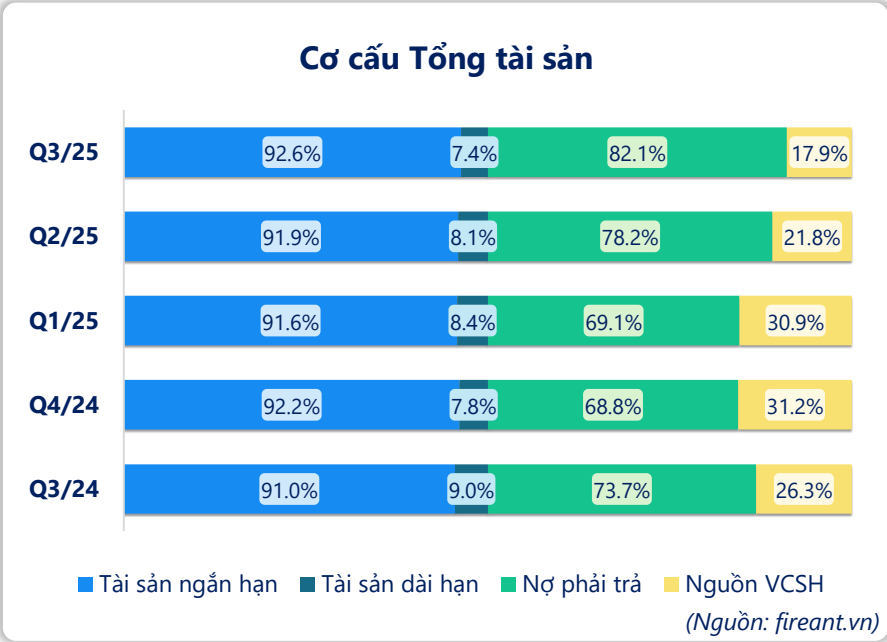


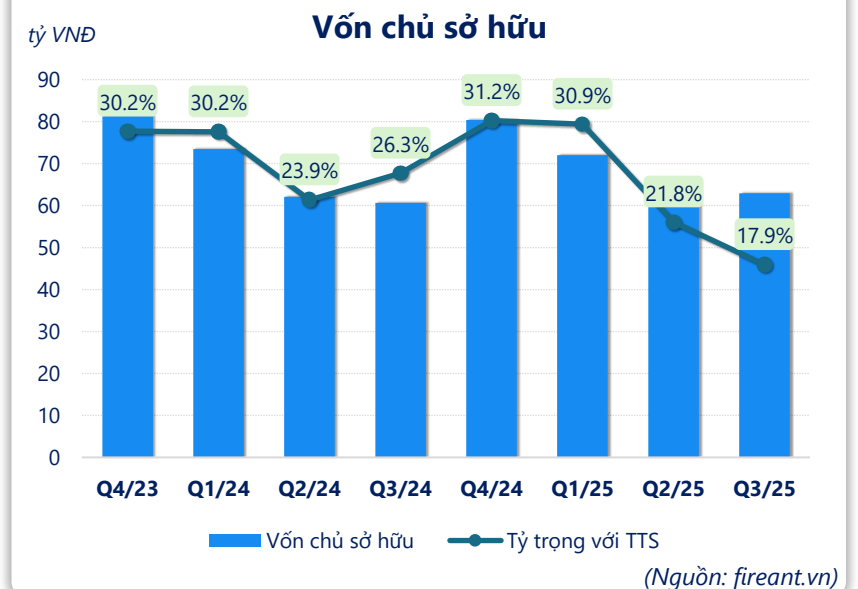
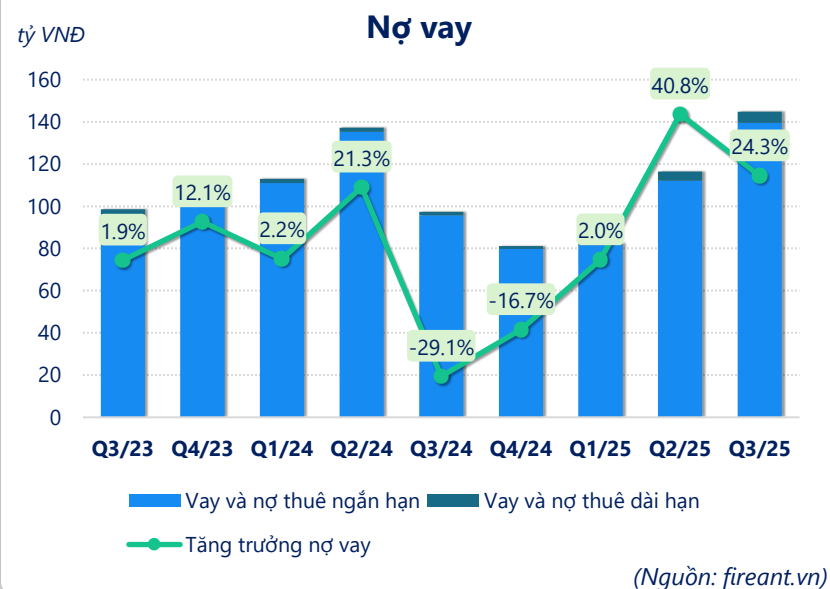
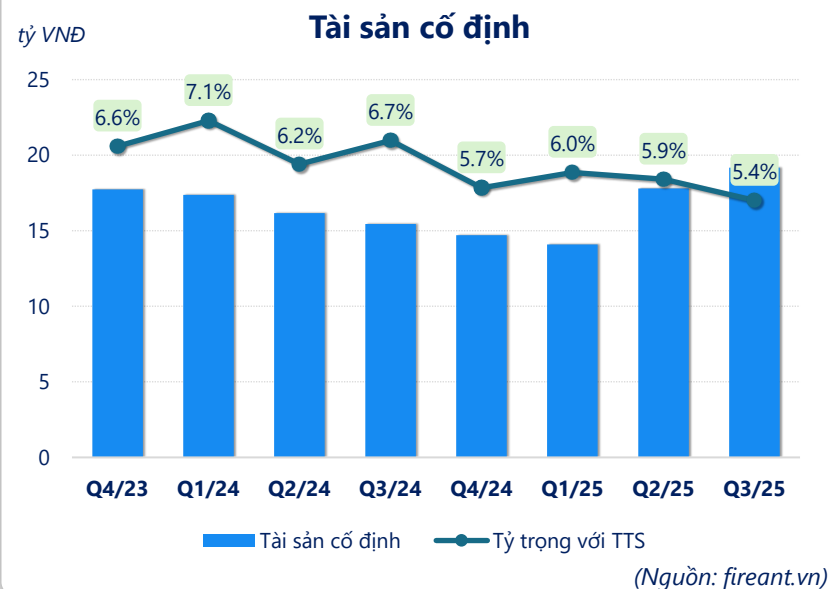
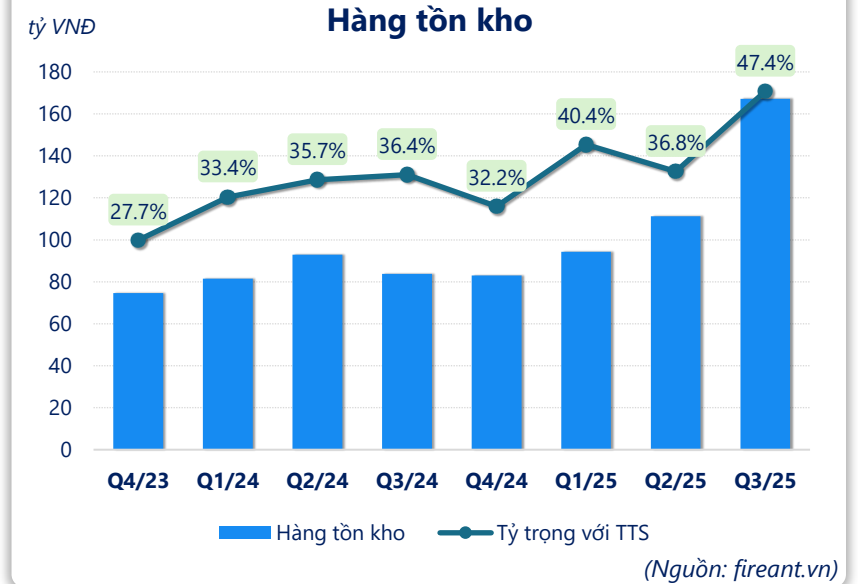
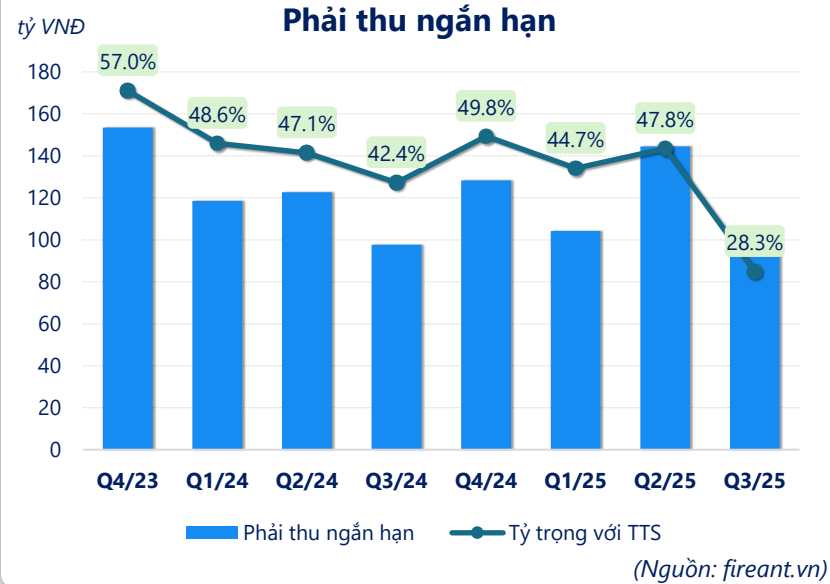
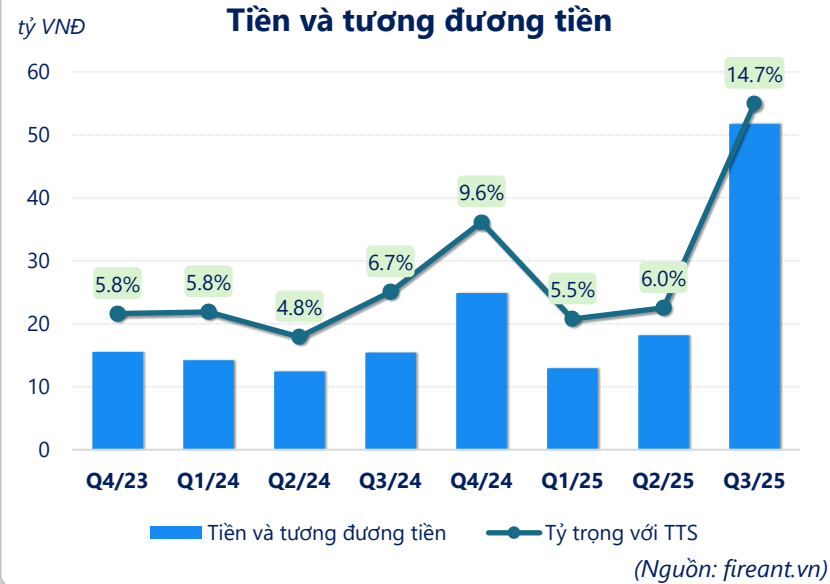
Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		9,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		9,371
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		7,000
SL cổ phiếu LH		4,529,143
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,175
% sở hữu nước ngoài		10.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		41
P/E		7.7
EPS		1,167

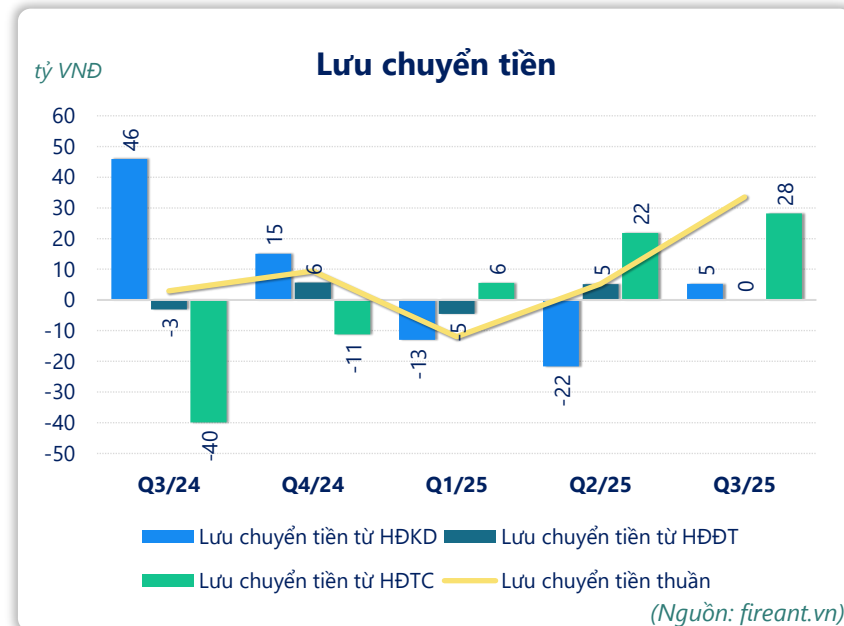
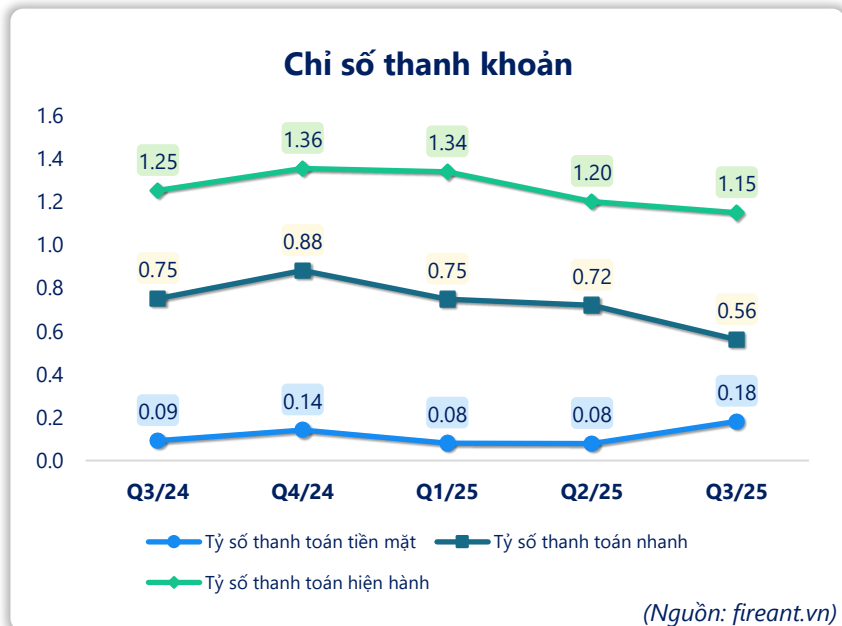
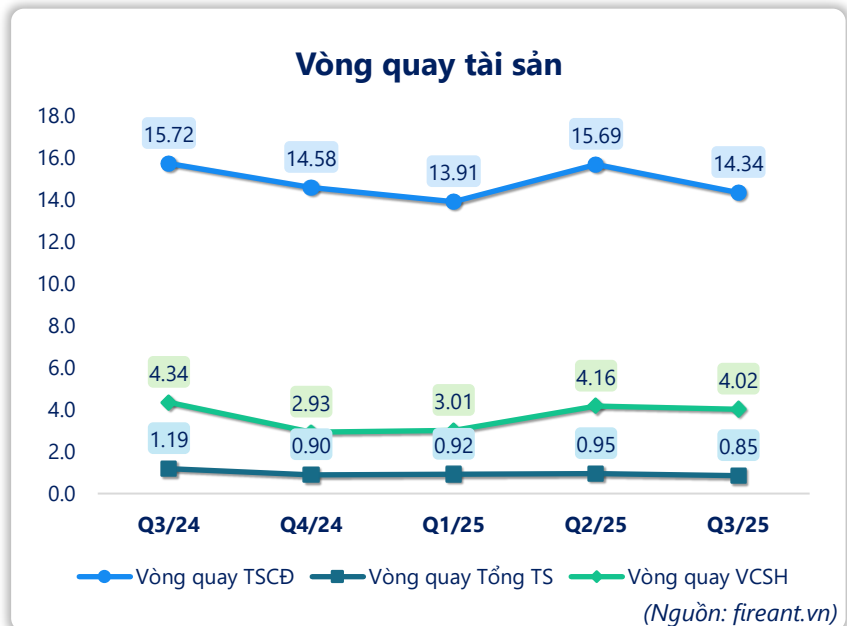
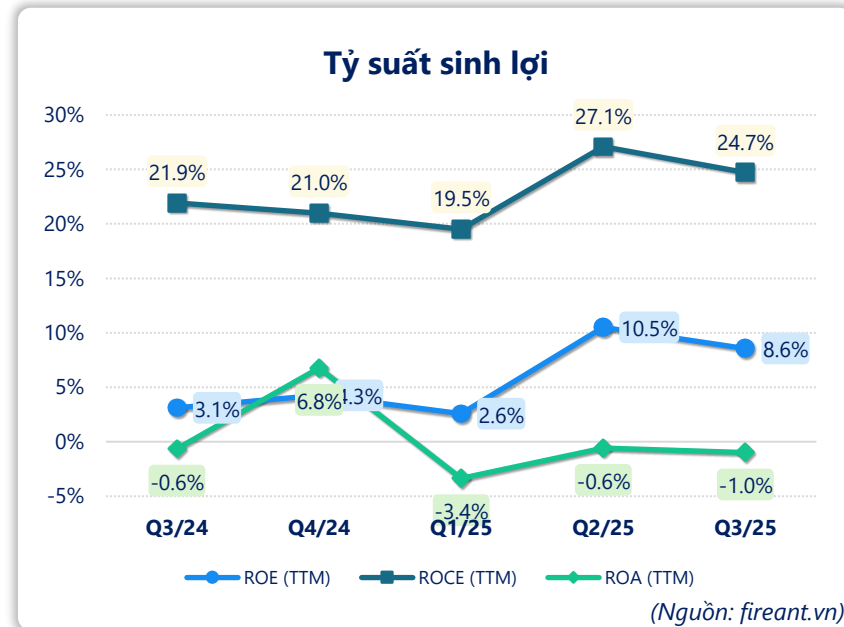
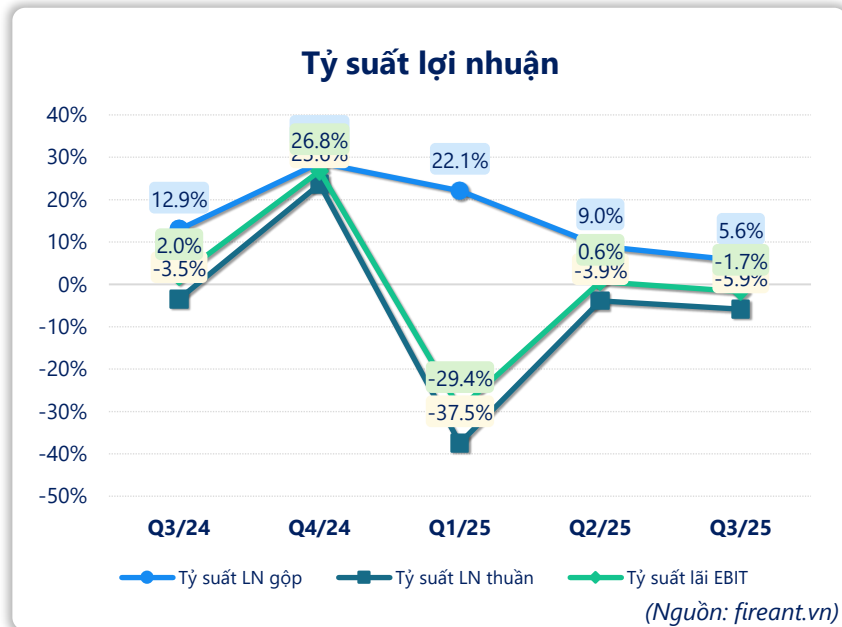
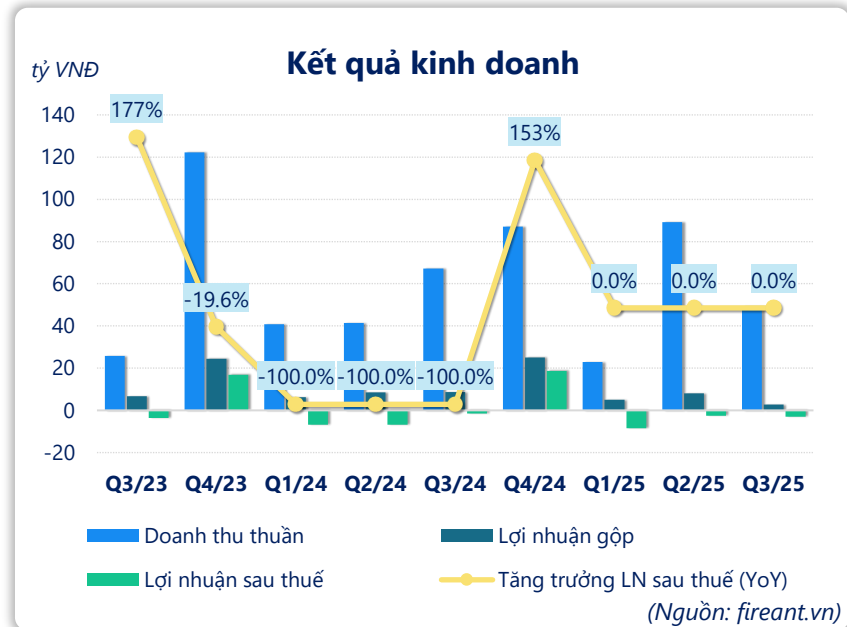
	YTD	1T	3T	6T
VTC	19.8%	3.4%	8.4%	3.4%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%



CTCP Viễn thông VTC (HNX: VTC)







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	352	258	36.6%
Tài sản ngắn hạn	327	238	37.2%
Tiền và tương đương tiền	51.7	24.9	108%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.62	0.31	100%
Phải thu ngắn hạn	99.7	129	-22.5%
Hàng tồn kho	167	83.0	101%
Tài sản ngắn hạn khác	7.35	1.23	500%
Tài sản dài hạn	25.9	20.0	29.3%
Phải thu dài hạn	1.27	0.87	45.2%
Tài sản cố định	19.2	14.7	30.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	5.48	4.46	22.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	290	178	63.1%
Nợ ngắn hạn	284	176	61.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	140	79.7	75.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	123	79.9	53.6%
Nợ dài hạn	5.58	1.94	188%
Vay và nợ thuê dài hạn	5.22	1.35	286%
Nguồn vốn chủ sở hữu	62.9	80.5	-21.8%
Vốn chủ sở hữu	62.9	80.5	-21.8%
Vốn điều lệ	45.3	45.3	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	67.3	87.0	22.9	89.2	49.2
Giá vốn hàng bán	58.5	62.1	17.9	81.1	46.5
Lợi nhuận gộp	8.71	25.0	5.07	8.02	2.75
Doanh thu HĐTC	0.09	0.02	0.02	0.02	0.15
Chi phí TC	2.79	2.23	1.74	3.77	2.68
Chi phí lãi vay	2.79	2.14	1.74	2.71	2.10
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	3.46	1.05	4.06	3.25	-1.97
Chi phí QLDN	4.86	1.14	7.89	4.53	5.10
LN thuần từ HĐKD	-2.33	20.6	-8.59	-3.51	-2.89
Lợi nhuận khác	0.85	0.56	0.11	1.36	-0.05
LN trước thuế	-1.47	21.1	-8.49	-2.14	-2.95
Lợi nhuận sau thuế	-1.47	18.7	-8.49	-2.59	-2.97
LNST của CĐ cty mẹ	-1.47	17.8	-8.01	-1.61	-2.91

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	46.0	15.0	-13.0	-21.7	5.22
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-3.11	5.66	-4.53	5.12	0.11
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-39.9	-11.2	5.60	21.8	28.2
Tiền đầu kỳ	12.4	15.4	24.9	12.9	18.2
Lưu chuyển tiền thuần	2.97	9.46	-12.0	5.25	33.5
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	15.4	24.9	12.9	18.2	51.7

(Nguồn: fireant.vn)